

Số: 1445 /BVBNĐTW
V/v công bố cơ sở khám bệnh,
chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ
sở thực hành

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe
(Cập nhật và bổ sung)

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế

Tên cơ sở công bố : **Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương**
Giấy phép hoạt động số : **208/BYT-GPHĐ ngày 26/06/2018**
Địa chỉ : **Xã Thiên Lộc, TP. Hà Nội**
Chịu trách nhiệm chuyên môn: **TS.BS. Phạm Ngọc Thạch**
Điện thoại liên hệ : **0395135099**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành (Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục 2)
5. Danh sách các trung tâm, khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi trung tâm, khoa, phòng:

Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương được Bộ Trưởng Bộ Y tế phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động theo quyết định số 2843/QĐ-BYT ngày 09/09/2025, trong đó có 09 phòng khối hành chính, 13 khoa lâm sàng, 08 khoa cận lâm sàng, 01 viện đào tạo và nghiên cứu bệnh nhiệt đới và 05 trung tâm. Hiện nay, các đơn vị thuộc Bệnh viện có thể tham gia đào tạo gồm:

STT	Trung tâm/Khoa/Phòng	Số giường	Ghi chú
I. Khối lâm sàng			
1.	Khoa cấp cứu	43	
2.	Trung tâm hồi sức tích cực	55	
3.	Khoa Viêm gan	95	
4.	Khoa Nhiễm khuẩn tổng hợp	100	

5.	Khoa Nhi	90	
6.	Khoa Vi rút – Ký sinh trùng	90	
7.	Khoa Nội tổng hợp	80	
8.	Khoa Sản	33	
9.	Khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	9	
10.	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình – Thần kinh cột sống	53	
11.	Trung tâm Phẫu thuật Gan mật – Tiêu hóa	60	
12.	Khoa Ngoại tổng hợp tiết niệu – Nam học	52	
13.	Trung tâm KCB Theo yêu cầu và Quốc tế	32	
14.	Khoa Gây mê hồi sức	5	
15.	Trung tâm Nội soi tiêu hóa và Thăm dò chức năng	3	
16.	Khoa Khám bệnh và điều trị ngoại trú		
17.	Trung tâm phòng chống dịch		
	Tổng số	800	
II. Khối cận lâm sàng			
1.	Khoa chẩn đoán hình ảnh		
2.	Khoa huyết học truyền máu		
3.	Khoa vi sinh và sinh học phân tử		
4.	Khoa Sinh hóa		
5.	Khoa Giải phẫu bệnh và Tế bào học		

6.	Khoa Dinh dưỡng và tiết chế		
7.	Khoa dược		
8.	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn		

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục 3)

Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, VDT


GIÁM ĐỐC *[Signature]*
Phạm Ngọc Thạch

Phụ lục 1

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN
(Tại 1 thời điểm)

I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	9720109	Tiến sĩ	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	1	5	2	6	1	4
						Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	1	5	2	6	1	4
						Khoa Viêm gan	1	5	2	6	1	4
						Khoa Vi rút - KST	1	5	2	6	1	4
2	8720109	Thạc sĩ	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	3	15	5	15	1	14
						Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	2	10	4	12	1	9
						Khoa Viêm gan	2	10	4	12	1	9
						Khoa Vi rút - KST	2	10	4	12	2	8

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	CK.62.72.3 8.01	CKII	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	2	10	4	12	1	9
						Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	1	5	2	6	1	4
						Khoa Viêm gan	1	5	2	6	2	3
						Khoa Vi rút - KST	1	5	2	6	1	4
4	CK.62.72.3 8	CKI	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	3	15	5	15	4	11
						Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	3	15	5	15	4	11
						Khoa Viêm gan	3	15	5	15	4	11
						Khoa Vi rút - KST	3	15	5	15	3	12
5	NT.62.72.3 8.01	BSNT	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	3	15	4	12	2	10
						Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	2	10	4	12	2	8
						Khoa Viêm gan	1	5	2	6	2	3
						Khoa Nhi	2	10	8	24	2	8
						Khoa Vi rút - KST	2	10	4	12	2	8

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	8720601	Thạc sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vi sinh - sinh học phân tử	Thực hành Vi sinh - sinh học phân tử	Khoa VS-SHPT	3	15			2	13
				Hóa sinh	Thực hành Hóa sinh	Khoa hóa sinh	2	10			2	8
				Huyết học	Thực hành Huyết học	Khoa huyết học truyền máu	1	5			2	3
				Giải phẫu bệnh	Thực hành Giải phẫu bệnh	Khoa giải phẫu bệnh	1	5			2	3
7	CK 60 72 92	CKI	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vi sinh - sinh học phân tử	Thực hành Vi sinh - sinh học phân tử	Khoa VS-SHPT	2	10			2	8
				Hóa sinh	Thực hành Hóa sinh	Khoa hóa sinh	1	5			2	3
				Huyết học	Thực hành Huyết học	Khoa huyết học truyền máu	1	5			2	3
				Giải phẫu bệnh	Thực hành Giải phẫu bệnh	Khoa giải phẫu bệnh	1	5			2	3

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
8	8720107	Thạc sĩ	Nội khoa	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	2	10	4	12	0	10
						Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	1	5	2	6	0	5
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	1	5			0	5
						Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	1	5			0	5
9	CK 60 72 20	CKI	Nội khoa	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	3	15	5	15	0	15
						Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2	10	4	12	0	10
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	1	5			0	5
						Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	1	5	2	6	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
10	8720104	BSNT	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	2	10	2	6	0	9
						Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	1	5	4	12	0	5
						Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	1	5	4	12	0	5
						Khoa gây mê hồi sức	1	5	1	3	0	3
11	8720104	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	3	15	5	15	2	13
						Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	2	10	4	12	0	10
						Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	2	10	4	12	0	10
						Khoa gây mê hồi sức	1	5	1	3	0	3

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
12	CK 60 72 07	CKI	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	3	15	5	15	2	13
						Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	2	10	4	12	0	10
						Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	2	10	4	12	0	10
						Khoa gây mê hồi sức	1	5	1	3	0	3
13	8720106	Thạc sĩ	Nhi khoa	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi	2	10	4	12	0	10
						Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	1	5	2	6	0	5
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	1	5			0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
14	CK 60 72 16	CKI	Nhi khoa	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi	2	10	4	12	0	10
						Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	1	5	2	6	0	5
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	1	5			0	5
15	CK 60 72 90	CKI	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	2	10	4	12	0	10
					Thực hành điều dưỡng Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	2	10	4	12	0	10
					Thực hành điều dưỡng Ngoại khoa	Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	2	10	4	12	0	10
					Thực hành điều dưỡng Sản khoa	Khoa Sản	1	5	2	6	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
16	8720301	Thạc sĩ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng truyền nhiễm	Khoa Vi rút - KST	1	5	2	6	0	5
					Thực hành điều dưỡng Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1	5	2	6	0	5
					Thực hành điều dưỡng Ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	1	5	2	6	0	5
					Thực hành điều dưỡng Sản khoa	Khoa Sản	1	5	2	6	0	5
					Thực hành điều dưỡng Nhi khoa	Khoa Nhi	1	5	2	6	0	5
17	8720111	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	2	10			0	3
						Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	5			0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
18	CK 60 72 05	CKI	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	1	5			0	5
						Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	5			0	5
19	8720103	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành khám chữa bệnh chuyên ngành hồi sức cấp cứu và chống độc	Trung tâm hồi sức tích cực	2	10	4	12	0	10
						Khoa cấp cứu	2	10	4	12	0	10
20	CK 60 72 31	CKI	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành khám chữa bệnh chuyên ngành hồi sức cấp cứu và chống độc	Trung tâm hồi sức tích cực	2	10	4	12	0	10
						Khoa cấp cứu	1	5	4	12	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
II. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC												
1	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Truyền nhiễm	Thực hành khám chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	3	30	10	30	5	25
						Khoa Viêm gan	3	30	10	30	5	25
						Khoa Vi rút - KST	2	20	10	30	5	15
2	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	2	20	10	30	0	20
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20
						Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	2	20			0	20
3	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	3	30	10	30	0	30
						Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	3	30	10	30	0	30
						Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	3	30	10	30	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi	3	30	10	30	0	30
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20
5	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Sân khoa	Thực hành khám chữa bệnh sản khoa	Khoa Sản	4	40	10	30	0	40
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	3	30			0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Da liễu	Thực hành khám chữa bệnh da liễu	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	1	10			0	10
7	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Răng hàm mặt	Thực hành khám chữa bệnh răng hàm mặt	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	3	30			0	30
8	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Tai mũi họng	Thực hành khám chữa bệnh tai mũi họng	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	4	40			0	40
9	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ	Thần kinh	Thực hành khám chữa bệnh thần kinh	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	1	10			0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
10	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Nhân Khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhân khoa	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	1	10			0	10
11	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Thực hành khám chữa bệnh y học cổ truyền	Khoa y học cổ truyền và phục hồi chức năng	2	20	4	12	0	12
12	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Gây mê hồi sức	Thực hành khám chữa bệnh gây mê hồi sức	Khoa gây mê hồi sức	4	40	1		0	40
13	7720101/ 7720110/ 7720115	Đại học	Y khoa/ Y học dự phòng/ Y học cổ truyền	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	6	60			0	60

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
14	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Truyền nhiễm	Thực hành điều dưỡng truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	2	20	10	30	10	10
						Khoa Viêm gan	2	20	10	30	10	10
						Khoa Vi rút - KST	2	20	10	30	10	10
15	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Nội khoa	Thực hành điều dưỡng nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	2	20	10	30	2	18
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			2	18
						Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	2	20			0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
16	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Ngoại khoa	Thực hành điều dưỡng ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	2	20	10	30	2	18
						Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	2	20	10	30	2	18
						Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	2	20	10	30	2	18
17	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng Nhi khoa	Khoa Nhi	2	20	10	30	2	18
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			2	18
18	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Sân khoa	Thực hành điều dưỡng sản khoa	Khoa Sản	2	20	10	30	2	18
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			2	18

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
19	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Da liễu	Thực hành điều dưỡng da liễu	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20
20	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Răng hàm mặt	Thực hành điều dưỡng răng hàm mặt	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20
21	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Tai mũi họng	Thực hành điều dưỡng tai mũi họng	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20
22	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thần kinh	Thực hành điều dưỡng thần kinh	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20
23	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Y học cổ truyền	Thực hành điều dưỡng y học cổ truyền	Khoa y học cổ truyền và phục hồi chức năng	2	20	5	15	0	15

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
24	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Gây mê hồi sức	Thực hành điều dưỡng gây mê hồi sức	Khoa gây mê hồi sức	2	20	1	3	0	3
25	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	2	20			0	20
26	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vi sinh - sinh học phân tử	Thực hành Vi sinh - sinh học phân tử	Khoa VS-SHPT	3	15			0	15
				Hóa sinh	Thực hành Hóa sinh	Khoa hóa sinh	2					
				Huyết học	Thực hành Huyết học	Khoa huyết học truyền máu	2					
				Giải phẫu bệnh	Thực hành Giải phẫu bệnh	Khoa giải phẫu bệnh	2					

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
27	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	3	30			0	30
						Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	3	30				30
III. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG												
1	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành các kỹ thuật xét nghiệm, huyết học, vi sinh	Thực hành lấy máu, kỹ thuật xét nghiệm	Khoa huyết học truyền máu	3	45			0	45
						Khoa VS-SHPT	4	60			0	60
2	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành các kỹ thuật hình ảnh	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	5	75			0	75

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Truyền nhiễm	Thực hành khám chữa bệnh truyền nhiễm,	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	2	20	7	21	10	10
						Khoa Viêm gan	2	20	7	21	10	10
						Khoa Vi rút - KST	2	20	7	21	10	10
4	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Nội khoa	Thực hành điều dưỡng nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	2	20	7	21	0	20
						Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2	20	7	21	0	20
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
5	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ngoại khoa	Thực hành điều dưỡng ngoại khoa	Khoa Nội tổng hợp	2	20	7	21	0	20
						Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2	20	7	21	0	20
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20
6	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng Nhi khoa	Khoa Nội tổng hợp	2	20	7	21	0	20
						Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2	20	7	21	0	20
						Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	2	20			0	20



GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN

BỆNH NHIỆT ĐỚI

TRUNG ƯƠNG

Phạm Ngọc Thạch

Phụ lục 2**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI /KHOA/GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH****I. SAU ĐẠI HỌC**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1. TIỀN SĨ/ BỆNH TRUYỀN NHIỄM VÀ CÁC BỆNH NHIỆT ĐỐI										
1	Trần Văn Giang	PGS.TS	Truyền nhiễm	35673/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	22	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	2
2	Nguyễn Kim Thu	PGS.TS	Truyền nhiễm	0012404/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	27	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	2
3	Nguyễn Văn Kính	GS-TS	Truyền nhiễm	12399/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	43	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Viêm gan	2
4	Ngô Thanh Hà	Tiến sĩ	Truyền nhiễm	22411/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	18	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Vi rút - KST	2

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
2. THẠC SĨ BỆNH TRUYỀN NHIỄM VÀ CÁC BỆNH NHIỆT ĐỚI										
5	Trần Văn Bắc	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	21822/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	15	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	5
6	Quách Duy Cường	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	35675/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	19	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
7	Đặng Hoàng Điệp	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	047619/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	7	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
8	Đỗ Minh Hoàng	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	22740/BN-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	15	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	4
9	Nguyễn Văn Duyệt	BSCKII	Truyền nhiễm	21820/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	14	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
10	Trần Minh Quân	BSCKII	Truyền nhiễm	52/SL-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	20	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Viêm gan	4
11	Đới Ngọc Anh	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	36821/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
12	Trần Duy Hưng	BSCKII	Truyền nhiễm	12396/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	34	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Vi rút - KST	4
13	Nguyễn Thanh Bình	BSCKII	Truyền nhiễm	21817/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	20	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
3. CHUYÊN KHOA II TRUYỀN NHIỄM										
14	Thân Mạnh Hùng	Tiến sĩ	Truyền nhiễm	22743/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	18	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	4
15	Nguyễn Nguyên Huyền	BSCKII	Truyền nhiễm	12394/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	17	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
16	Nguyễn Hồng Long	BSCKII	Truyền nhiễm	365306/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	19	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	2
17	Phạm Minh Tuấn	BSCKII	Truyền nhiễm	21818/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	15	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Viêm gan	2
18	Nguyễn Văn Tuấn	BSCKII	Truyền nhiễm	21816/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	15	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Vi rút - KST	2

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
4. CHUYÊN KHOA I TRUYỀN NHIỄM										
19	Phạm Thanh Bằng	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	042104/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	5
20	Trương Tư Thế Bảo	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	049317/BYT - CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	5	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
21	Nguyễn Đức Minh	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	045815/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	8	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
22	Trần Văn Long	BSCKI	Truyền nhiễm	21833/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	13	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	5
23	Đào Thanh Hải	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	042102/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
24	Nguyễn Tuấn Thành	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	21825/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	17	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
25	Phạm Diệu Trang	BSCKI	Truyền nhiễm	22365/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	13	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Viêm gan	4
26	Đồng Vũ Kiên	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	36762/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
27	Nguyễn Ngọc Phúc	BSCKII	Truyền nhiễm	12405/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	31	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
28	Trần Ngọc Quang	BSCKI	Truyền nhiễm	22741/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	12	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Vi rút - KST	4
29	Trần Thị Hiền	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	039551/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	10	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
30	Khổng Minh Quang	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	11369/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	10	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
5. BÁC SĨ NỘI TRÚ TRUYỀN NHIỄM										
31	Nguyễn Trung Cấp	BSCKII	Truyền nhiễm	13810/BYT - CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	7	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa cấp cứu	4
32	Phan Văn Mạnh	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	047293/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	7	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
33	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	049190/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	6	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
34	Lê Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	049316/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	27	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	4
35	Nguyễn Hải Yến	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	045399/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	8	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
36	Nguyễn Quang Huy	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	036764/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	10	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Viêm gan	2
37	Nguyễn Mạnh Trường	BSCKII	Truyền nhiễm	36163/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	18	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Nhi	8
38	Lê Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	36840/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	10	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		
39	Nguyễn Quốc Phương	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	36084/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	10	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm	Khoa Vi rút - KST	4
40	Nguyễn Thị Liên Hà	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	23212/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Truyền nhiễm	16	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành khám, chữa bệnh truyền nhiễm		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
6. THẠC SĨ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC										
41	Văn Đình Tráng	Tiến sĩ	Xét nghiệm	22330/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	18	Vi sinh - sinh học phân tử	Thực hành xét nghiệm vi sinh - sinh học phân tử	Khoa Vi sinh - sinh học phân tử	
42	Lê Nguyễn Minh Hoa	Tiến sĩ	Xét nghiệm	039531/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	15				
43	Nguyễn Mỹ Hạnh	Thạc sĩ	Xét nghiệm	047069/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	14				
44	Nguyễn Thị Thanh Hải	Tiến sĩ	Xét nghiệm	0017107/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	19	Hóa sinh	Thực hành xét nghiệm hóa sinh	Khoa hóa sinh	
45	Triệu Bích Nguyệt	Thạc sĩ	Xét nghiệm	000530/HN O-GPHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	5				
46	Nguyễn Việt Dũng	BSCKII	Xét nghiệm	0022361/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	14	Huyết học, truyền máu	Thực hành Huyết học, truyền máu	Khoa huyết học truyền máu	
47	Vũ Xuân Ngọc	Thạc sĩ	Xét nghiệm	001406/HN O-GPHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	9	Giải phẫu bệnh	Thực hành xét nghiệm giải phẫu bệnh	Khoa giải phẫu bệnh	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
7. CHUYÊN KHOA I KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC										
48	Sầm Thu Hương	BSCKI	Xét nghiệm	003541/HA-G-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	12	Vi sinh - sinh học phân tử	Thực hành xét nghiệm vi sinh - sinh học phân tử	Khoa VS-SHPT	
49	Bùi Thị Nguyệt Ánh	Thạc sĩ	Xét nghiệm	005099/BY-T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	17				
50	Nguyễn Bá Cung	Thạc sĩ	Xét nghiệm	22388/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	12	Hóa sinh	Thực hành Xét nghiệm hóa sinh	Khoa hóa sinh	
51	Phan Thị Thanh Nhân	Thạc sĩ	Xét nghiệm	004398/VP-CCHN + 2974/QĐ-SYT	Kỹ thuật viên xét nghiệm	10	Huyết học, truyền máu	Thực hành Huyết học, truyền máu	Khoa huyết học truyền máu	
52	Ngô Thị Mai Khanh	Thạc sĩ	Xét nghiệm	033014/BY-T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	22	Giải phẫu bệnh	Thực hành xét nghiệm giải phẫu bệnh	Khoa giải phẫu bệnh	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
8. THẠC SĨ NỘI KHOA										
53	Trần Thị Hải Ninh	Tiến sĩ	Nội khoa	0022742/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	18	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	2
54	Vũ Minh Điền	Tiến sĩ	Nội khoa	0022406/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	18	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa		
55	Hoàng Huy Tú	BSCKII	Nội khoa	010030/HN O-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	22	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa		
56	Phạm Ngọc Thạch	Tiến sĩ	Nội khoa	0012402/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	35	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2
57	Nguyễn Thanh Tùng	Thạc sĩ	Nội khoa	000028/TN G-GPHN	Khám chữa bệnh nội khoa	5	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
58	Trần Việt Hùng	Tiến sĩ	Nội khoa	000512/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	28	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
9. CHUYÊN KHOA I NỘI KHOA										
59	Nguyễn Tất Thành	BSCKII	Nội khoa	5938/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	18	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	2
60	Nguyễn Tuấn Khanh	Tiến sĩ	Nội khoa	2260/BN-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	24	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa		
61	Vũ Thị Thu Hương	BSCKII	Nội khoa	5100/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	19	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2
62	Nguyễn Đắc Hanh	BSCKII	Nội khoa	012497/HN O-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	27	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa		
63	Lê Hồng Dân	BSCKII	Nội khoa	001901/BR VT-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	27	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
64	Bùi Thị Thúy	Thạc sĩ	Nội khoa	036846/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	12	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
10. BÁC SĨ NỘI TRÚ NGOẠI KHOA										
65	Dương Mạnh Chiến	Tiến sĩ	Ngoại khoa	0026506/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	25	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	2
66	Vũ Hồng Phong	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0008831/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	47	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa		
67	Nguyễn Ngọc Linh	Thạc sĩ	Ngoại khoa	000388/HN O-GPHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	6	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	4
68	Nguyễn Thanh Sơn	BSCKII	Ngoại khoa	001003/HB-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	20	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	4
69	Nguyễn Văn Phúc	Thạc sĩ	Ngoại khoa	006586/HN O-GPHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	4	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa gây mê hồi sức	1

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
11. THẠC SĨ NGOẠI KHOA										
70	Nguyễn Minh Trọng	BSCKII	Ngoại khoa	0025345/BY T-CCHN+1974/QĐ-BYT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	20	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	2
71	Khiếu Mạnh Cường	BSCKII	Ngoại khoa	0015271/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	25	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa		
72	Nguyễn Kiều Hưng	BSCKII	Ngoại khoa	0020646/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	15	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa		
73	Tạ Việt Phương	BSCKII	Ngoại khoa	032316/BY T - CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	15	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	4
74	Hoàng Mạnh Hà	BSCKII	Ngoại khoa	02116/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	22	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
75	Trần Thượng Việt	BSCKII	Ngoại khoa	0007299/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	19	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	4
76	Lê Hữu Đoàn	BSCKI	Ngoại khoa	033716/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	12	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa		
77	Phạm Đức Chính	BSCKII	Gây mê hồi sức	003214/HD-CCHN	Khám chữa bệnh gây mê hồi sức	22	Gây mê hồi sức	Thực hành khám chữa bệnh gây mê hồi sức	Khoa gây mê hồi sức	1
12. THẠC SĨ NHI KHOA										
78	Đặng Thị Thuý	Tiến sĩ	Nhi khoa	0012400/BY T-CCHN 6472/QĐ-BYT	Khám chữa bệnh nhi khoa	19	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nhi	8
79	Đào Thị Kim Định	BSCKI	Nhi khoa	03407/NĐ-CCHN	Khám chữa bệnh nhi khoa	26	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa		
80	Nguyễn Thị Đông	BSCKII	Nhi khoa	009499/HN O-CCHN	Khám chữa bệnh nhi khoa	15	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa	Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
81	Lê Thu Trang	BSCKI	Nhi khoa	035674/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nhi khoa	14	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
13.CHUYÊN KHOA I NHI KHOA										
82	Nguyễn Thành Lê	BSCKI	Nhi khoa	0022025/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nhi khoa	15	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nhi	8
83	Nguyễn Văn Trung	Thạc sĩ	Nhi khoa	036690/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nhi khoa	11	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa		
84	Hoàng Tuấn Thành	Thạc sĩ	Nhi khoa	042067/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh nhi khoa	8	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa	Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	2
85	Vũ Thị Phượng	Thạc sĩ	Nhi khoa	035062/HN O-CCHN	Khám chữa bệnh nhi khoa	8	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhi khoa	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
14. CHUYÊN KHOA I ĐIỀU DƯỠNG										
86	Doãn Thị Nguyệt	CKI	Điều Dưỡng	0021801/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	30	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	4
87	Lê Thị Hiếu	Thạc sĩ	Điều Dưỡng	0021808/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	18	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng		

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
88	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sĩ	Điều Dưỡng	0022373/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	17	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	4
89	Nguyễn Thị Thường	Thạc sĩ	Điều Dưỡng	0022746/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	16	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng		
90	Vũ Thị Nhâm	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0021809/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	16	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	5
91	Vũ Thùy Nguyên	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0022376/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	18	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sản	
15. THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG										
92	Vũ Thị Minh Tuyền	CKI	Điều Dưỡng	0022395/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	17	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Vi rút - KST	4
93	Trần Thị Toàn	Thạc sĩ	Điều Dưỡng	0022336/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	16	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	4
94	Lê Thị Thùy	CKI	Điều Dưỡng	037791/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	9	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	5
95	Hoàng Thị Kim Thanh	CKI	Điều Dưỡng	0022745/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	11	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sản	2
96	Bùi Thị Hằng	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0022345/BY T-CCHN	Điều Dưỡng	13	Điều Dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sản	4

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
16. THẠC SĨ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH										
97	Nguyễn Tuấn Anh	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	003860/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	
98	Trần Thanh Hà	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	0015546/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	34	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh		
99	Lê Trần Thắng	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	0006182/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	36	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	
17. CHUYÊN KHOA I CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH										
100	Trần Công Tiến	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	0022360/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	30	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	
101	Trương Thanh Sơn	BSCKII	Chẩn đoán hình ảnh	038516/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	11	Chẩn đoán hình ảnh		Khoa chẩn đoán hình ảnh	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
18. THẠC SĨ HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC										
102	Vũ Đình Phú	Tiến sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	0012403/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	27	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	Trung tâm hồi sức tích cực	4
103	Trần Thị Nhung	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	0002749/Q NI-CCHN	Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	23	Hồi sức cấp cứu và chống độc			
104	Đồng Phú Khiêm	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	0021829/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	16	Hồi sức cấp cứu và chống độc		Khoa cấp cứu	4
105	Lê Sơn Việt	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	031998/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	11	Hồi sức cấp cứu và chống độc			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
19. CHUYÊN KHOA I HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC										
106	Đoàn Duy Thành	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	037817/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	13	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	Trung tâm hồi sức tích cực	2
107	Nguyễn Văn Phương	BSCKII	Hồi sức cấp cứu và chống độc	000682/HD-CCHN	Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	25	Hồi sức cấp cứu và chống độc			
108	Mạc Duy Hưng	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	004322/BY T-GPHN	Khám chữa bệnh Hồi sức cấp cứu và chống độc	10	Hồi sức cấp cứu và chống độc		Khoa cấp cứu	2

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
20. ĐẠI HỌC/ Y KHOA/Y HỌC DỰ PHÒNG/Y HỌC CỔ TRUYỀN										
109	Lê Văn Thiệu	CKI	Truyền nhiễm	036967/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	12	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Thực hành Khám chữa bệnh Truyền nhiễm	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	10
110	Ninh Thị Ngọc	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	043003/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới		Viêm Gan	10
111	Phạm Thúy Nga	Bác sĩ	Truyền nhiễm	044462/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới			
112	Phạm Văn Phúc	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	036818/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	11	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới			
113	Trịnh Thị Lan Hương	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	043589/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới			
114	Nguyễn Thị Tư	CKI	Truyền nhiễm	036104/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	10	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
115	Trần Văn Kiên	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	042103/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới		Khoa Vi rút - KST	10
116	Trần Văn Quý	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	045243/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh truyền nhiễm	8	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới			
117	Đỗ Văn Nhật	Bác sĩ	Nội khoa	048836/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	6	Nội khoa	Thực hành Khám chữa bệnh chuyên ngành nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	10
118	Nguyễn Thị Huân	Thạc sĩ	Nội khoa	048919/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	8	Nội khoa			
119	Lưu Tùng Dương	Bác sĩ	Nội khoa	008555/NĐ-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	4	Nội khoa		Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
120	Đinh Công Đức	Bác sĩ	Nội khoa	000103/HB-GPHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	4	Nội khoa			
121	Lê Thị Huyền	Bác sĩ	Nội khoa	049008/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	6	Nội khoa		Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	
122	Hà Việt huy	Thạc sĩ	Nội khoa	000236/BY T-GPHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	5	Nội khoa			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
123	Nguyễn Văn Trung	Bác sĩ	Ngoại khoa	041424/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	9	Ngoại khoa	Thực hành Khám, chữa bệnh ngoại khoa	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	10
124	Bùi Thanh Tuế	Thạc sĩ	Ngoại khoa	043004/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	12	Ngoại khoa			
125	Trần Duy Hiến	Thạc sĩ	Ngoại khoa	033718/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	11	Ngoại khoa			
126	Lê Ngọc Dương	Bác sĩ	Ngoại khoa	000473/HD-GPHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	4	Ngoại khoa		Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	
127	Phạm Xuân Tùng	Bác sĩ	Ngoại khoa	000250/HN A-GPHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	3	Ngoại khoa			
128	Nguyễn Thanh Tùng	Bác sĩ	Ngoại khoa	000028/TN G-GPHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	5	Ngoại khoa			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
129	Đỗ Quang Dũng	Bác sĩ	Ngoại khoa	001485/BY T-GPHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	3	Ngoại khoa		Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	10
130	Trần Duy Trinh	Bác sĩ	Ngoại khoa	00047/NĐ-GPHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	5	Ngoại khoa			
131	Lê Thị Phương Linh	Bác sĩ	Ngoại khoa	020745/TH-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	4	Ngoại khoa			
132	Vũ Thanh Thuỷ	Bác sĩ	Ngoại khoa	0002035/ĐB-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	15	Ngoại khoa			
133	Bùi Văn Nam	Bác sĩ	Nhi khoa	046096/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Nhi khoa	8	Nhi khoa	Thực hành Khám điều trị bệnh nhi khoa	Khoa Nhi	10
134	Bùi Thị Hiền	Bác sĩ	Nhi khoa	001501/HN O-GPHN	Khám, chữa bệnh Nhi khoa	4	Nhi khoa			
135	Nguyễn Đình Dũng	Thạc sĩ	Nhi khoa	000988/TH-GPHN	Khám, chữa bệnh Nhi khoa		Nhi khoa			
136	Nguyễn Hồng Kỳ	Bác sĩ	Nhi khoa	000181/BY T-GPHN	Khám, chữa bệnh Nhi khoa	4	Nhi khoa		Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
137	Nguyễn Quốc Khánh	Thạc sĩ	Sản khoa	038275/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Sản khoa	18	Sản khoa	Thực hành Khám điều trị bệnh sản khoa	Khoa Sản	10
138	Cao Văn Dũng	Thạc sĩ	Sản khoa	046054/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Sản khoa	10	Sản khoa			
139	Nguyễn Thị Hằng	Thạc sĩ	Sản khoa	028251/HN O-CCHN	Khám, chữa bệnh Sản khoa	10	Sản khoa		Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
140	Hoàng Thị Thu Huyền	Thạc sĩ	Sản khoa	041199/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Sản khoa	13	Sản khoa			
141	Nguyễn Thị Hồng	BSCKI	Sản khoa	044463/BY T-CCHN	Khám, chữa bệnh Sản khoa	14	Sản khoa			
142	Nguyễn Tiến Anh	Bác sĩ	Sản khoa	000841/HN O-GPHN	Khám, chữa bệnh Sản khoa	3	Sản khoa	Thực hành Khám điều trị bệnh da liễu	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
143	Nguyễn Thị Hòa	BSCKI	Da liễu	023584/HN O-CCHN	Khám chữa bệnh da liễu	11	Da liễu			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
144	Nguyễn Hồng Dương	Bác sĩ	Răng hàm mặt	046297/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Răng hàm mặt	7	Răng hàm mặt	Thực hành Khám điều trị bệnh Răng hàm mặt	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
145	Đặng Trung Ngọc Huy	BSCKI	Răng hàm mặt	035893/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Răng hàm mặt	25	Răng hàm mặt			
146	Nguyễn Văn Tùng	Bác sĩ	Răng hàm mặt	037822/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Răng hàm mặt	10	Răng hàm mặt			
147	Trịnh Thuý Liên	BSCKI	Tai Mũi Họng	032164/HN O-CCHN	Khám chữa bệnh Tai Mũi Họng	8	Tai Mũi Họng	Thực hành khám chữa bệnh Tai Mũi Họng	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
148	Nguyễn Tiến Phú	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng	035930/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Tai Mũi Họng	24	Tai Mũi Họng			
149	Bùi Thị Khánh Hoà	Bác sĩ	Tai Mũi Họng	007462/TB-CCHN	Khám chữa bệnh Tai Mũi Họng	11	Tai Mũi Họng			
150	Vũ Thanh Thủy	Bác sĩ	Tai Mũi Họng	0002035/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh Tai Mũi Họng	15	Tai Mũi Họng			
151	Doãn Thị Huyền	BSCKII	Thần kinh	0019259/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Thần kinh	21	Thần kinh	Thực hành khám chữa bệnh Thần kinh	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
152	Trần Ngọc Diệp	BSCKI	Nhân khoa	036843/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh Nhân khoa	11	Nhân khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhân khoa	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
153	Lê Nguyên Long	BSCKI	Y học cổ truyền	0021609/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh y học cổ truyền	28	Y học cổ truyền	Thực hành Khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Khoa y học cổ truyền và phục hồi chức năng	4
154	Nguyễn Trung Nghĩa	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	002805/HN O-GPHN	Khám chữa bệnh y học cổ truyền	10	Y học cổ truyền			
155	Nguyễn Bình Minh	BSCKI	Y học cổ truyền	003441/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh y học cổ truyền	5	Y học cổ truyền			
156	Hoàng Mai Anh	Bác sĩ	Gây mê hồi sức	015636/TH-CCHN	Khám chữa bệnh gây mê hồi sức	10	Gây mê hồi sức	Thực hành khám chữa bệnh gây mê hồi sức	Khoa gây mê hồi sức	1
157	Đặng Thu Hiền	Bác sĩ	Gây mê hồi sức	048941/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh gây mê hồi sức	7	Gây mê hồi sức			
158	Nguyễn Thành Đức	Bác sĩ	Gây mê hồi sức	047621/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh gây mê hồi sức	8	Gây mê hồi sức			
159	Hà Thị Phương	BSCKI	Gây mê hồi sức	045471/BY T-CCHN	Khám chữa bệnh gây mê hồi sức	9	Gây mê hồi sức			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
160	Nguyễn Việt Hằng	Bác sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	043278/BY T-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	8	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	
161	Hà Văn Kim	Bác sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	024800/HN O-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	15	Chẩn đoán hình ảnh			
162	Nguyễn Văn Hương	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	000683/BY T-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	34	Chẩn đoán hình ảnh			
163	Đào Thị Hồng Nhung	Bác sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	046569/BY T-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	7	Chẩn đoán hình ảnh			
164	Hoàng Thái Sơn	Bác sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	046925/BY T-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	8	Chẩn đoán hình ảnh			
165	Lê Thị Thanh Thủy	Bác sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	048321/BY T-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	8	Chẩn đoán hình ảnh			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
21. ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG										
166	Đỗ Quang Thắng	CNDD	Điều dưỡng	038770/HN O-CCHN	Điều dưỡng	2	Điều dưỡng truyền nhiễm	Điều dưỡng truyền nhiễm thực hành	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	10
167	Nguyễn Thị Quyên	CNDD	Điều dưỡng	047861/BY T-CCHN	Điều dưỡng	3			Khoa Viêm gan	10
168	Đào Thị Bông Sen	CNDD	Điều dưỡng	048771/BY T-CCHN	Điều dưỡng	11				
169	Hoàng Bá Dũng	CNDD	Điều dưỡng	0022416/BY T-CCHN	Điều dưỡng	13			Khoa Vi rút - KST	10
170	Đặng Văn Toàn	CNDD	Điều dưỡng	0026397/BY T-CCHN	Điều dưỡng	9				
171	Nguyễn Đình Hương	CNDD	Điều dưỡng	041145/BY T-CCHN	Điều dưỡng	15	Điều dưỡng nội khoa	Điều dưỡng nội thực hành	Khoa Nội tổng hợp	10
172	Lê Thị Hiền	CNDD	Điều dưỡng	0022357/BY T-CCHN	Điều dưỡng	18				
173	Lưu Diệu Hương	CNDD	Điều dưỡng	0022340/BY T-CCHN	Điều dưỡng	18			Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
174	Nguyễn Thị Hương	CNDD	Điều dưỡng	037793/BY T-CCHN	Điều dưỡng	11				
175	Nguyễn Văn Quyết	CNDD	Điều dưỡng	036085/BY T-CCHN	Điều dưỡng	12			Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	
176	Trương Văn Trường	CNDD	Điều dưỡng	038337/BY T-CCHN	Điều dưỡng	16				
177	Hoàng Quốc Thắng	CNDD	Điều dưỡng	038372/BY T-CCHN	Điều dưỡng	17				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
178	Nguyễn Đức Quân	CNDD	Điều dưỡng	0016626/BY T-CCHN	Điều dưỡng	19	Điều dưỡng ngoại khoa	Điều dưỡng ngoại thực hành	Trung tâm phẫu thuật gan mật - tiêu hóa	10
179	Hoàng Mạnh Long	CNDD	Điều dưỡng	0022335/BY T-CCHN	Điều dưỡng	17			Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - thần kinh cột sống	10
180	Nguyễn Văn Đan	CNDD	Điều dưỡng	038515/BY T-CCHN	Điều dưỡng	19				
181	Phạm Thị Bích Thuận	CNDD	Điều dưỡng	0022379/BY T-CCHN	Điều dưỡng	18			Khoa ngoại tổng hợp - tiết niệu nam học	10
182	Nguyễn Đức Trung	CNDD	Điều dưỡng	0022348/BY T-CCHN	Điều dưỡng	14				
183	Nguyễn Thị Thuý Phương	CNDD	Điều dưỡng	0022807/BY T-CCHN	Điều dưỡng	27	Điều dưỡng Nhi khoa	Điều dưỡng Nhi thực hành	Khoa Nhi	10
184	Trần Thị Hiền	CNDD	Điều dưỡng	0022810/BY T-CCHN	Điều dưỡng	13			Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
185	Nguyễn Thị Anh Trang	CNDD	Điều dưỡng	0022386/BY T-CCHN	Điều dưỡng	17				
186	Nguyễn Thị Huyền	CNDD	Điều dưỡng	0022400/BY T-CCHN	Điều dưỡng	10				
187	Nguyễn Thị Dung	CNDD	Điều dưỡng	0022334/BY T-CCHN	Điều dưỡng	14				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
188	Đặng Thị Thu Hương	CNDD	Điều dưỡng	0022331/BY T-CCHN	Điều dưỡng	13	Điều dưỡng sản khoa	Điều dưỡng Sản thực hành	Khoa Sản	
189	Phan Thị Hoà	CNDD	Điều dưỡng	0021806/BY T-CCHN	Điều dưỡng	12				
190	Đặng Thị Ngọc	CNDD	Điều dưỡng	038254/BY T-CCHN	Điều dưỡng	11			Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
191	Đỗ Thị Thu Hằng	CNDD	Điều dưỡng	036962/BY T-CCHN	Điều dưỡng	11				
192	Nguyễn Thị Huyền	CNDD	Điều dưỡng	0022400/BY T-CCHN	Điều dưỡng	10	Điều dưỡng da liễu	Điều dưỡng da liễu thực hành	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
193	Dương Thị Ngọc Nhung	CNDD	Điều dưỡng	037783/BY T-CCHN	Điều dưỡng	8				
194	Lê Thị Huệ	CNDD	Điều dưỡng	038258/BY T-CCHN	Điều dưỡng	8	Điều dưỡng răng hàm mặt	Điều dưỡng răng hàm mặt thực hành	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
195	Trần Thị Hồng Nhung	CNDD	Điều dưỡng	037785/BY T-CCHN	Điều dưỡng	8				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
196	Trần Thị Ánh Tuyết	CNDD	Điều dưỡng	045179/BY T-CCHN	Điều dưỡng	6	Điều dưỡng Tai mũi họng	Điều dưỡng tai mũi họng thực hành	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
197	Nguyễn Thị Huế	CNDD	Điều dưỡng	048476/BY T-CCHN	Điều dưỡng	4				
198	Tạ Thị Thơm	CNDD	Điều dưỡng	045137/BY T-CCHN	Điều dưỡng	5	Điều dưỡng Thần Kinh	Điều dưỡng thần kinh thực hành	Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
199	Trần Thị Hương	CNDD	Điều dưỡng	0022366/BY T-CCHN	Điều dưỡng	13				
200	Đinh Thị Diệp	CNDD	Điều dưỡng	0022332/BY T-CCHN	Điều dưỡng	18	Điều dưỡng Y học cổ truyền	Điều dưỡng y học cổ truyền thực hành	Khoa y học cổ truyền và phục hồi chức năng	5
201	Vũ Mạnh Tường	CNDD	Điều dưỡng	0021804/BY T-CCHN	Điều dưỡng	21				
202	Nguyễn Văn Nam	CNDD	Điều dưỡng	0022354/BY T-CCHN	Điều dưỡng	17	Điều dưỡng gây mê hồi sức	Điều dưỡng gây mê hồi sức thực hành	Khoa gây mê hồi sức	1
203	Nguyễn Thị Hạnh	CNDD	Điều dưỡng	0022732/BY T-CCHN	Điều dưỡng	14				
204	Đặng Thị Thu Hà	CNDD	Điều dưỡng	0022364/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	18	Điều dưỡng Chẩn đoán hình ảnh	Điều dưỡng chẩn đoán hình ảnh thực hành	Khoa chẩn đoán hình ảnh	
205	Trần Thu Phương	CNDD	Điều dưỡng	0021803/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	13				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
22. ĐẠI HỌC KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC										
206	Hoàng Thị Hạnh	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022355/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	17	Xét nghiệm y học	Thực hành xét nghiệm y học	Khoa VS-SHPT	
207	Phạm Thị Thu Hiền	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022362/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	11				
208	Đào Văn Vương	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022342/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	13				
209	Vũ Duy Tiến	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000146/BY T-GPHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	3	Xét nghiệm y học	Thực hành xét nghiệm y học	Khoa hóa sinh	
210	Nguyễn Thị Huyền Trang	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022368/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	14				
211	Đặng Minh Tân	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022356/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	11	Xét nghiệm y học	Thực hành xét nghiệm y học	Khoa huyết học truyền máu	
212	Nguyễn Thị Lan	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022415/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	25				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
213	Vũ Thị Ngọc	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	011200/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	28	Xét nghiệm Giải phẫu bệnh	Thực hành xét nghiệm y học	Khoa giải phẫu bệnh	
214	Trần Thị Vân Dung	CNXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000156/BY T-GPHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	12				

23. ĐẠI HỌC KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

215	Lê Thị Ngọc	CNKTH AYH	Kỹ thuật hình ảnh y học	036686/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	8	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	
216	Nguyễn Thị Kiều Trinh	CNKTH AYH	Kỹ thuật hình ảnh y học	000566/LS-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	9				
217	Nguyễn Thị Hồng Phượng	CNKTH AYH	Kỹ thuật hình ảnh y học	043285/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	5				
218	Lê Thị Hoa Hồng	CNKTH AYH	Kỹ thuật hình ảnh y học	039635/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	12	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm nội soi tiêu hóa và thăm dò chức năng	
218	Nguyễn Tiến Quân	CNKTH AYH	Kỹ thuật hình ảnh y học	41184/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	9				
220	Bùi Thị Thu Trang	CNKTH AYH	Kỹ thuật hình ảnh y học	047202/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	19				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
24. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC										
221	Nguyễn Minh Hải	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	036807/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	11	KTV Huyết học truyền máu	Thực hành xét nghiệm y học	Khoa huyết học truyền máu	
222	Phạm Đức Quý	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022405/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	18				
223	Nguyễn Thị Dung	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	041585/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	6				
224	Nguyễn Thu Hằng	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0022738/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	12	KTV VS-SHPT	Thực hành xét nghiệm y học	Khoa VS-SHPT	
225	Lê Thị An	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000568/LS-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	9				
226	Nguyễn Thị Phụng	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	033024/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	9				
227	Nguyễn Thị Hằng	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0021831/BY T-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	20				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
25. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC										
228	Lê Thanh Tiến	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	037798/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	
229	Ngô Đăng Hiếu	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	037797/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	6				
230	Lê Xuân Ánh	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	045409/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	5				
231	Nguyễn Duy Long	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	044113/BY T-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	8				
232	Nguyễn Ngọc Tuấn	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	000292/BY T-GPHN	Chẩn đoán hình ảnh	9				
26. CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG										
233	Nguyễn Thị Diệu	Cao đẳng	Điều dưỡng	13624/TH-CCHN	Điều dưỡng	7	Điều dưỡng truyền nhiễm	Điều dưỡng truyền nhiễm thực hành	Khoa nhiễm khuẩn tổng hợp	7
234	Tạ Bích Lâm	Cao đẳng	Điều dưỡng	0022414/BY T-CCHN	Điều dưỡng	21			Khoa Viêm gan	7
235	Văn Thị Hương	Cao đẳng	Điều dưỡng	0021802/BY T-CCHN	Điều dưỡng	13				
236	Phí Hà Phương	Cao đẳng	Điều dưỡng	039882/BY T-CCHN	Điều dưỡng	6				
237	Nguyễn Thị Thu	Cao đẳng	Điều dưỡng	0021827/BY T-CCHN	Điều dưỡng	15				
238	Ngô Thị Thanh Thủy	Cao đẳng	Điều dưỡng	040029/BY T-CCHN	Điều dưỡng	7				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
239	Nguyễn Thị Phương Dung	Cao đẳng	Điều dưỡng	0022346/BY T-CCHN	Điều dưỡng	11	Điều dưỡng Nội khoa	Điều dưỡng Nội khoa thực hành	Khoa Nội tổng hợp	7
240	Nguyễn Thị Ngoan	Cao đẳng	Điều dưỡng	036167/BY T-CCHN	Điều dưỡng	16			Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	7
241	Lê Phương Linh	Cao đẳng	Điều dưỡng	041125/BY T-CCHN	Điều dưỡng	7			Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
242	Kiều Thị Uyên	Cao đẳng	Điều dưỡng	036815/BY T-CCHN	Điều dưỡng	9				
243	Hà Thị Kiều Oanh	Cao đẳng	Điều dưỡng	042535/BY T-CCHN	Điều dưỡng	5				
244	Nguyễn Thu Giang	Cao đẳng	Điều dưỡng	0021843/BY T-CCHN	Điều dưỡng	12				
245	Tạ Thị Hồng Lê	Cao đẳng	Điều dưỡng	0021823/BY T-CCHN	Điều dưỡng	13	Điều dưỡng Ngoại khoa	Điều dưỡng Ngoại khoa thực hành	Khoa Nội tổng hợp	7
246	Phạm Thị Hồng Toan	Cao đẳng	Điều dưỡng	0021813/BY T-CCHN	Điều dưỡng	16			Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	7
247	Phạm Thị Hạnh	Cao đẳng	Điều dưỡng	0022347/BY T-CCHN	Điều dưỡng	21				
248	Nguyễn Xuân Hường	Cao đẳng	Điều dưỡng	050437/BY T-CCHN	Điều dưỡng	16				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
249	Nguyễn Văn Điệp	Cao đẳng	Điều dưỡng	036908/BY T-CCHN	Điều dưỡng	9			Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
250	Phạm Thị Thủy	Cao đẳng	Điều dưỡng	036164/BY T-CCHN	Điều dưỡng	10				
251	Triệu Văn Thoại	Cao đẳng	Điều dưỡng	000183/BY T-GPHN	Điều dưỡng	9	Điều dưỡng Nhi khoa	Điều dưỡng Nhi khoa thực hành	Khoa Nội tổng hợp	7
252	Ngô Văn Tiến	Cao đẳng	Điều dưỡng	048798/BY T-CCHN	Điều dưỡng	10			Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu và quốc tế	7
253	Vương Thị Hiền	Cao đẳng	Điều dưỡng	026950/HN O-CCHN	Điều dưỡng	9				
254	Hoàng Thị Ngọc Anh	Cao đẳng	Điều dưỡng	047945/BY T-CCHN	Điều dưỡng	5			Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú	
255	Đỗ Thị Hồng An	Cao đẳng	Điều dưỡng	0022389/BY T-CCHN	Điều dưỡng	19				
256	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Cao đẳng	Điều dưỡng	036165/BY T-CCHN	Điều dưỡng	10				


GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
BỆNH NHIỆT ĐỚI
TRUNG ƯƠNG
Phạm Ngọc Thạch

Phụ lục 3

**DANH SÁCH CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ
TẠI ĐƠN VỊ/KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG THỰC HÀNH**

I/ SAU ĐẠI HỌC

1. Sau đại học/Tiền sĩ/Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1	
2	Bơm tiêm điện Terumo	5	
3	Dao mổ điện aaron	1	
4	Máy hút âm	1	
5	Máy hút dịch	5	
6	Máy ly tâm	1	
7	Máy sốc tim có tạo nhịp CARDIOLIEF	1	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	5	
9	Máy thở	5	
10	Máy truyền dịch	5	
11	Hệ thống nội soi khí phế quản	1	
12	Máy lọc máu liên tục	1	
13	Máy đo SpO ₂	3	
14	Tủ sấy	1	
15	Bàn mổ	1	
16	Hệ thống dẫn khí y tế	5	

**DANH SÁCH CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ
TẠI ĐƠN VỊ/KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG THỰC HÀNH**

I/ SAU ĐẠI HỌC

1. Sau đại học/Tiến sĩ/Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1	
2	Bơm tiêm điện Terumo	5	
3	Dao mổ điện aaron	1	
4	Máy hút ảm	1	
5	Máy hút dịch	5	
6	Máy ly tâm	1	
7	Máy sốc tim có tạo nhịp CARDIOLIEF	1	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	5	
9	Máy thở	5	
10	Máy truyền dịch	5	
11	Hệ thống nội soi khí phế quản	1	
12	Máy lọc máu liên tục	1	
13	Máy đo SpO2	3	
14	Tủ sấy	1	
15	Bàn mổ	1	
16	Hệ thống dẫn khí y tế	5	

17	Bộ cấp cứu CPAP Boussignac	1	
18	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
19	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
20	Máy khí dung	3	
21	Súng sinh thiết Magnum	1	
22	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
23	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
24	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
25	Bảng	3	
26	Mic, hệ thống âm thanh	4	
27	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
28	Thư viện	1	

2. Sau đại học/Thạc sỹ/Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1	
2	Bơm tiêm điện Terumo	5	
3	Dao mổ điện aaron	1	
4	Máy sốc tim có tạo nhịp CARDIOLIEF	1	
5	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
6	Máy thở	5	
7	Máy truyền dịch	10	
8	Máy lọc máu liên tục	1	
9	Máy đo SpO2	3	
10	Bộ cấp cứu CPAP Boussignac	1	

11	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
12	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
13	Máy khí dung	3	
14	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
15	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
16	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
17	Bảng	3	
18	Míc. hệ thống âm thanh	4	
19	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
20	Thư viện	1	

3. Sau đại học/BSCKII/Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

1	Máy xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1	
2	Bơm tiêm điện Terumo	5	
3	Máy theo dõi bệnh nhân	5	
4	Máy thở	5	
5	Máy truyền dịch	5	
6	Hệ thống nội soi khí phế quản	1	Dùng chung
7	Máy lọc máu liên tục	1	
8	Máy đo SpO2	3	
9	Bàn mổ	1	Dùng chung
10	Bộ cấp cứu CPAP Boussignac	1	
11	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	

12	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
13	Máy khí dung	3	
14	Súng sinh thiết Magnum	1	Dùng chung
15	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
16	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
17	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
18	Bảng	3	
19	Míc, hệ thống âm thanh	4	
20	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
21	Thư viện	1	

4. Sau đại học/BSCKI/Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Bơm tiêm điện Terumo	5	
2	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
3	Máy thở	5	
4	Máy truyền dịch	10	
5	Máy lọc máu liên tục	1	
6	Máy đo SpO2	3	
7	Bộ cấp cứu CPAP Boussignac	1	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
10	Máy khí dung	3	
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	

12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	Dùng chung cho các đối tượng
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	
15	Míc, hệ thống âm thanh	4	
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
17	Thư viện	1	

5. Sau đại học/BS nội trú/Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1	
2	Bơm tiêm điện Terumo	5	
3	Dao mổ điện	1	
4	Máy sốc tim có tạo nhịp CARDIOLIEF	1	Dùng chung
5	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
6	Máy thở	5	
7	Máy truyền dịch	10	
8	Máy lọc máu liên tục	1	
9	Máy đo SpO2	3	
10	Bộ cấp cứu CPAP Boussignac	1	
11	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
12	Máy khí dung	3	
13	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho
14	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
15	Máy tính cố định, máy chiếu	5	

16	Bảng	3	các đối tượng
17	Mic. hệ thống âm thanh	4	
18	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
19	Thư viện	1	

6. Sau đại học/ Thạc sĩ/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bình nito lỏng	1	
2	Bốc	1	
3	Bồn ủ nhiệt Conthrem	1	
4	Cân điện tử	2	
5	Máy đếm tế bào	2	
6	Máy điện di	2	
7	Máy định danh vi khuẩn	1	
8	Máy đo môi trường	1	
9	Máy đo quang	1	
10	Kính hiển vi	3	
11	Máy ủ	1	
12	Máy cấy máu	2	
13	Máy đọc	2	
14	Máy giải trình tự Gen	2	
15	Máy hút âm	2	
16	Máy khuấy từ Ikrarhpassic II	1	
17	Máy lắc	2	
18	Máy làm đá	1	

19	Máy ly tâm	5	
20	Máy phân tích nước tiểu	1	
21	Máy rửa	2	
22	Máy sấy	1	
23	Máy sinh hóa tự động	2	
24	Nồi cách thủy	1	
25	Nồi hấp	2	
26	Ôn áp	2	
27	Máy PCR	3	
28	Quang phổ kế UV	1	
29	Hệ thống ghi và phân tích sau điện di	1	
30	Tủ âm	5	
31	Tủ an toàn sinh học	1	
32	Tủ mát	1	
33	Tủ nuôi cấy	2	
34	Tủ sấy	2	
35	Máy đo độ đục	1	
36	Máy tạo ozon	2	
37	pipet	2	
38	Máy lọc nước RO	1	
39	Tủ lạnh âm sâu	2	
40	Hệ thống nuôi cấy vi khuẩn	1	
41	Máy quang phổ thẻ chương trình phân tích DNA	1	
42	Máy đếm CD4	1	

43	Máy phát hiện vi khuẩn lao sớm	1	
44	Máy miễn dịch tự động E601	2	
45	Hệ thống máy định lượng virus	1	
46	Máy in nhãn	1	
47	Hệ thống REAL TIME PCR	1	
48	Máy elisa tự động	1	
49	Hệ thống lọc nước HT	1	
50	Máy khu khuẩn công nghiệp ozone	1	
51	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	2	
52	Máy khử khuẩn không khí	2	
53	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
54	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
55	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
56	Bảng	3	
57	Mic, hệ thống âm thanh	4	
58	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
59	Thư viện	1	

7. Sau đại học/ CKI/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Tủ mát Alaska	1	
2	Tủ mát Sanaky	4	
3	Kính hiển vi 2 mắt	5	
4	Kính hiển vi kỹ thuật số có camera	1	
5	Máy lọc nước RO	1	

6	Máy ly tâm 6000 vòng/phút	4	
7	Hệ thống định danh và làm kháng sinh đồ tự động	1	
8	Cân điện tử	1	
9	Máy đếm tế bào	1	
10	Máy điện di	1	
11	Máy định danh vi khuẩn	1	
12	Máy đo môi trường	1	
13	Máy đo quang	1	
14	Kính hiển vi	3	
15	Máy ủ	1	
17	Máy cấy máu	2	
19	Máy đọc	2	
20	Máy giải trình tự Gen	2	
21	Máy hút âm	2	
22	Máy lắc	2	
23	Máy ly tâm	5	
24	Máy phân tích nước tiểu	1	
25	Máy rửa	2	
26	Máy sấy	1	
27	Máy sinh hóa tự động	2	
28	Nồi cách thủy	1	
29	Nồi hấp	2	
30	Ôn áp	2	
31	Máy PCR	3	

32	Quang phổ kế UV	1	
33	Hệ thống ghi và phân tích sau điện di	1	
34	Tủ âm	5	
35	Tủ an toàn sinh học	1	
36	Tủ mát	1	
37	Tủ nuôi cấy	2	
38	Tủ sấy	2	
39	Máy đo độ đục	1	
40	Máy tạo ozon	2	
41	pipet	2	
42	Máy lọc nước RO	1	
43	Tủ lạnh âm sâu	2	
44	Hệ thống nuôi cấy vi khuẩn	1	
45	Máy quang phổ thể chương trình phân tích DNA	1	
46	Máy đếm CD4	1	
47	Máy phát hiện vi khuẩn lao sớm	1	
48	Máy miễn dịch tự động E601	2	
49	Hệ thống máy định lượng virus	1	
50	Máy in nhãn	1	
51	Hệ thống REAL TIME PCR	1	
52	Máy elisa tự động	1	
53	Hệ thống lọc nước HT	1	
54	Máy khu khuẩn công nghiệp ozone	1	
55	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1	

56	Máy khử khuẩn không khí	1	Dùng chung cho các đối tượng
57	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	
58	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
59	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
60	Bảng	3	
61	Míc, hệ thống âm thanh	4	
62	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
63	Thư viện	1	

8. Sau đại học/Thạc sỹ/Nội khoa

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1	
2	Bơm tiêm điện Terumo	5	
3	Dao mổ điện aaron	1	
4	Máy sốc tim có tạo nhịp CARDIOLIEF	1	
5	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
6	Máy truyền dịch	10	
7	Máy đo SpO2	3	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
10	Máy khí dung	3	
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho
12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	

15	Míc, hệ thống âm thanh	4	các đối tượng
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
27	Thư viện	1	

9. Sau đại học/CKI/Nội khoa

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1	
2	Bơm tiêm điện Terumo	5	
3	Dao mổ điện aaron	1	
4	Máy sốc tim có tạo nhịp CARDIOLIEF	1	
5	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
6	Máy truyền dịch	10	
7	Máy đo SpO2	3	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
10	Máy khí dung	3	
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	
15	Míc, hệ thống âm thanh	4	
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
27	Thư viện	1	

10. Sau đại học/BSNT/Ngoại khoa

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống bàn mổ đa năng	5	
2	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	1	
3	Hệ thống mổ nội soi	1	
4	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiêu hóa gan mật	1	
5	Máy đốt u gan bằng sóng cao tần	10	
6	Hệ thống tán sỏi laser tích hợp chức năng đào mô	10	
7	Máy đo SpO2	3	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
10	Máy khí dung	3	
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	
15	Mic, hệ thống âm thanh	4	
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
17	Thư viện	1	

11. Sau đại học/Thạc sĩ/Ngoại khoa

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống bàn mổ đa năng	5	
2	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	1	
3	Hệ thống mổ nội soi	1	
4	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiêu hóa gan mật	1	

5	Máy đốt u gan bằng sóng cao tần	10	
6	Hệ thống tán sỏi laser tích hợp chức năng đào mô	10	
7	Máy đo SpO2	3	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
10	Máy khí dung	3	
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	
15	Mic, hệ thống âm thanh	4	
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
17	Thư viện	1	

12. Sau đại học/CKI/Ngoại khoa

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống bàn mổ đa năng	5	
2	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	1	
3	Hệ thống mổ nội soi	1	
4	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiêu hóa gan mật	1	
5	Máy đốt u gan bằng sóng cao tần	10	
6	Hệ thống tán sỏi laser tích hợp chức năng đào mô	10	
7	Máy đo SpO2	3	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	

10	Máy khí dung	3	Dùng chung cho các đối tượng
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	
12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	
15	Míc, hệ thống âm thanh	4	
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
17	Thư viện	1	

13. Sau đại học/Thạc sĩ /Nhi khoa

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thở cho trẻ em	5	
2	Hệ thống HFNC cho trẻ em	3	
3	Máy thở CPAP	1	
4	Máy lọc máu	1	
5	Máy truyền dịch	10	
6	Máy điện tim tại giường	10	
7	Máy đo SpO2	3	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
10	Máy khí dung	20	
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho
12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	

15	Mic. hệ thống âm thanh	4	các đối tượng
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
17	Thư viện	1	

14. Sau đại học/CKI /Nhi khoa

STT	Tên trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thở cho trẻ em	5	
2	Hệ thống HFNC cho trẻ em	3	
3	Máy thở CPAP	1	
4	Máy lọc máu	1	
5	Máy truyền dịch	10	
6	Máy điện tim tại giường	10	
7	Máy đo SpO2	3	
8	Hệ thống máy hỗ trợ tim phổi cấp cứu	1	
9	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	1	
10	Máy khí dung	20	
11	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
12	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
13	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
14	Bảng	3	
15	Mic. hệ thống âm thanh	4	
16	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
17	Thư viện	1	

II. ĐẠI HỌC

1. Đại học/ Y khoa

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy hút dịch	3	
2	Bơm tiêm điện	8	
3	Máy truyền dịch	3	
4	Máy đo spo2	3	
5	Máy tạo khí Ozone	1	
6	Máy theo dõi bệnh nhân	2	
7	Máy điện tim	1	
8	Máy khí rung	11	
9	Máy thở áp lực dương	1	
10	Hệ thống khí y tế	1	
11	Hộp dầu giường	1	
12	Máy thở chức năng cao	1	
13	Đèn soi ven tĩnh mạch	1	
14	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
15	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
16	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
17	Bảng	3	
18	Míc, hệ thống âm thanh	4	
19	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
20	Thư viện	1	

2. Đại học/ Y học dự phòng

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy theo dõi bệnh nhân	1	

2	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20	
3	Đèn soi ven tĩnh mạch	1	
4	Bơm tiêm điện	2	
5	Máy truyền dịch	2	
6	Xe cáng đẩy cấp cứu bệnh nhân	1	
7	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
8	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
9	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
10	Bảng	3	
11	Míc, hệ thống âm thanh	4	
12	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
13	Thư viện	1	

3. Đại học/ Y học cổ truyền

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy theo dõi bệnh nhân	1	
2	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20	
3	Đèn soi ven tĩnh mạch	1	
4	Bơm tiêm điện	2	
5	Máy truyền dịch	2	
6	Xe cáng đẩy cấp cứu bệnh nhân	1	
7	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
8	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
9	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
10	Bảng	3	
11	Míc, hệ thống âm thanh	4	

12	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
13	Thư viện	1	

4. Đại học/ Điều dưỡng

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy Heamatokrit	1	
2	Máy hút dịch	8	
3	Tủ bảo quản ống nội soi	1	
4	Máy thở	5	
5	Bơm tiêm điện	30	
6	Máy truyền dịch	20	
7	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
8	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân (1 máy chính, 10 máy con)	1	
9	Bộ đầu oxy, khí nén, ống dẫn khí	20	
10	Bộ cấp cứu CPAP Boussignac	1	
11	Giường cấp cứu bệnh nhân đa năng	2	
12	Máy điện tim 6 cần	1	
13	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
14	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
15	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
16	Bảng	3	
17	Míc, hệ thống âm thanh	4	
18	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
19	Thư viện	1	

5. Đại học/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bể ôn nhiệt	2	
2	Kính hiển vi	3	
3	Máy lắng máu	2	
4	Tủ âm	1	
5	Tủ lạnh	2	
6	Máy ly tâm	2	
7	Tủ ấm	1	
8	Máy lắng ống máu cho máy xét nghiệm	2	
9	Máy đếm tế bào	4	
10	Máy lắng máu	1	
11	Máy xét nghiệm đông máu	4	
12	Máy định nhóm máu	1	
13	Máy beckman	1	
14	Máy đếm tế bào	1	
15	Máy điện di	1	
16	Máy định danh vi khuẩn	1	
17	Máy đo môi trường	1	
18	Máy đo quang	1	
19	Kính hiển vi	3	
20	Máy ủ	1	
21	Máy cấy máu	1	
22	Máy đọc	1	
23	Máy giải trình tự Gen	1	
24	Máy hút âm	1	
25	Máy lắng	1	

26	Máy ly tâm	5	
27	Máy phân tích nước tiểu	1	
28	Nồi hấp	4	
29	Ôn áp	2	
30	Máy PCR	2	
31	Tủ âm	3	
32	Tủ an toàn sinh học	2	
33	Tủ mát	2	
34	Tủ nuôi cấy	1	
35	Tủ sấy	1	Dùng chung cho các đối tượng
36	Máy đo độ đục	1	
37	Hệ thống phân tích	1	
38	Bảng	3	
39	Mic, hệ thống âm thanh	4	
40	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
41	Thư viện	1	

6. Đại học/ Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống nội soi đại tràng video	1	
2	Ống nội soi phế quản video	1	
3	Máy điện tim	3	
4	Máy siêu âm	8	
5	Máy tính	2	
6	Đèn đọc phim	3	
7	Bộ lưu điện	1	
8	Hệ thống máy chụp cắt lớp điện toán xoắn ốc toàn thân	1	

9	Hệ thống nội soi phế quản mềm video	1	
10	Máy rửa ống nội soi tự động	1	
11	Tủ bảo quản ống nội soi inox	1	
12	Bàn khám bệnh + đệm	1	
13	Bàn rửa dụng cụ inox	1	
14	Tủ treo dụng vật tư y tế INOX	1	
15	Máy hút dịch 2 bình	1	
16	Máy Xquang	4	
17	Máy in phim	2	
18	Ống nội soi tiêu hóa	1	
19	Máy phát hiện sơ gan sớm Fibroscan 502	1	
20	Máy khử khuẩn không khí bằng Ozone	1	
21	Máy theo dõi bệnh nhân	1	
22	Máy tráng phim Xquang tự động	1	
23	Máy khí dung	1	
24	Hệ thống nội soi tiêu hóa can thiệp 2 ống	1	
25	Liều kế bức xạ cá nhân	2	
26	Hệ thống Xquang kỹ thuật số Drgem	1	
27	Máy Xquang di động	1	
28	Hệ thống Xquang kỹ thuật số Shimadzu	1	
29	Máy siêu âm màu 4D	1	
30	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 128 lát	1	
31	Hệ thống xử lý Xquang kỹ thuật số CR	1	
32	Máy theo dõi bệnh nhân	1	
33	Hệ thống nội soi tiêu hóa	1	
34	Máy hút dịch tiêu hóa	2	

35	Hệ thống nội soi khí phế quản	1	
36	Máy đo chức năng hô hấp	1	
37	Xe cáng đẩy cấp cứu bệnh nhân	1	
38	Máy phát hiện xơ gan sớm	1	
39	Máy in cho máy siêu âm	1	
40	Hệ thống giảng đường lớn trên 50 chỗ ngồi	3	Dùng chung cho các đối tượng
41	Hệ thống giảng đường nhỏ 20-50 chỗ ngồi	20	
42	Máy tính cố định, máy chiếu	5	
43	Bảng	3	
44	Mic, hệ thống âm thanh	4	
45	Hệ thống Telemedicine (trực tuyến)	1	
46	Thư viện	1	

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC *Phạm Ngọc Thạch*

**BỆNH VIỆN
BỆNH NHIỆT ĐỘ
TRUNG ƯƠNG**

Phạm Ngọc Thạch